

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh/Sở Xây dựng/UBND cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8139/TTr-SXD ngày 24/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc

thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh/Sở Xây dựng/UBND cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (*đính kèm Phụ lục*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế danh mục thủ tục hành chính tương ứng lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa đã được công bố tại các Quyết định trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP N.X.Hải;
- Trung tâm CB và Công TTĐT;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG
THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH/SỞ XÂY DỰNG/UBND CẤP XÃ THỰC HIỆN
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	1.009459	Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công	UBND tỉnh/ Sở Xây dựng	Không có	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

					bố.			
2	1.009451	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Không có	
3	1.009463	Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng/ Cảng vụ Đường thủy nội địa	Không có	
4	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng/ Cảng vụ Đường thủy nội địa	Không có	

5	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của tổ chức, cá nhân	Sở Xây dựng	Không có	Nghị định số 123/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, đặc biệt về vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng.
6	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả	Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội
7	1.009442	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Không có	

				tuyển; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.				địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
8	1.009449	Công bố mở khu neo đậu	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Không có	
9	1.009448	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Không có	
10	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng/ Cảng vụ đường thủy nội địa	Không có	

				vụ Bru chính.				
11	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	- Cảng vụ thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Sở Xây dựng phê duyệt: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.	Sở Xây dựng/ Cảng vụ đường thủy nội địa	11.000.000 đồng/lần	Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ
12	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	- Cảng vụ thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Sở Xây dựng phê duyệt: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.	Sở Xây dựng/ Cảng vụ đường thủy nội địa	14.000.000 đồng/lần	
13	1.004137	Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến;	- Cảng vụ thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Sở Xây dựng phê duyệt: Trong thời hạn	Sở Xây dựng/ Cảng vụ đường thủy nội địa	Bằng 20% mức thu của các mục mức thu thủ tục Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	

				- Nộp qua dịch vụ Bru chính.	03 ngày làm việc.		và thủ tục Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tương ứng	Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
B Danh mục thủ tục hành chính cấp xã								
1	1.009452	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không có	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
2	1.009453	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không có	

3	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bưu chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không có	
---	----------	--	--	---	--	------------------------	----------	--

II. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh									
1	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	-Trung tâm PVHCC tỉnh;	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa;	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Không có	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
2	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa		- Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bưu chính.				

3	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Công bố mở cảng thủy nội địa	-Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Xây dựng	Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	
4	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa							
5	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	-Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bru chính.	07 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không có	
6	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu							

B. Thủ tục hành chính cấp xã									
1	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	-Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; - Nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; - Nộp qua dịch vụ Bưu chính.	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phí Thẩm tra, thẩm định công bố mở bến thủy nội địa: 100.000 đồng/lần (bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh không phải nộp phí này)	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
2	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa							

III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Sở Xây dựng	Thông tư số 21/2026/TTBXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
2	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Sở Xây dựng/UBND cấp xã	
3	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Cảng vụ đường thủy nội địa	

4	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Cảng vụ đường thủy nội địa	
5	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	UBND cấp xã	
6	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Sở Xây dựng	
7	1.009457	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động	Sở Xây dựng	
8	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Sở Xây dựng	
9	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Sở Xây dựng	